**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LỘC NINH**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**
**Số: 13/2024/HNGĐ – ST**
**Ngày: 02/02/2024**
***V/v "Tranh chấp ly hôn và con chung"***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hồ Thị Oanh
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Trần Xuân Đạm

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 388/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chu Thanh B, sinh năm 1987 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp 9, xã Lộc A , huyện N, tỉnh Bình Phước
Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp 9, xã Lộc A , huyện N, tỉnh Bình Phước

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Chu Thanh B trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên ông B xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông B và bà T có 03 người con chung tên Chu Ngọc L, sinh ngày 30/12/2008; Chu Ngọc A, sinh ngày 23/10/2016 và Chu Ngọc N, sinh ngày 26/11/2021. Khi ly hôn, ông B giao 03 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng) tính từ ngày 01/7/2023 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông B và bà T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

***Tại biên bản ghi lời khai của đương sự, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:***

Bà T và ông B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông B có quan hệ bất chính với người khác, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, ông B đã ra ngoài sống từ tháng 4/2023, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Tuy nhiên do có con chung nên bà T mong muốn ông B về chung sống để nuôi con nên bà T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông B và bà T có 03 người con chung tên Chu Ngọc L, sinh ngày 30/12/2008, Chu Ngọc A, sinh ngày 23/10/2016 và Chu Ngọc N, sinh ngày 26/11/2021. Khi ly hôn bà T đồng ý nuôi ba con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 03 con là 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2023 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi do từ 01/7/2023 đến nay ông B không cấp dưỡng cho con..

Về tài sản chung: Ông B và bà T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên tòa:***

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo luật định. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Chu Thanh B

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Ông Chu Thanh B với bà Phạm Thị T

+ Về con chung: Giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sư tự nguyện thoả thuận của ông B và bà T, ông B cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng) tính từ ngày 01/7/2023 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ông Chu Thanh B có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị T. Bà T cư trú tại ấp 9, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết tại UBND xã Ea Púk, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy hôn nhân của ông B và bà T là hợp pháp. Theo lời trình bày của ông B thì giữa ông B và bà T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay ông B xác định không còn tình cảm với bà T và yêu cầu được ly hôn. Bà T cũng xác định phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông B đã ra ngoài sống từ tháng 4/2023, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Tuy nhiên do có con chung nên mong muốn ông B về chung sống để nuôi con nên bà T không đồng ý ly hôn. Toà án tiến hành hoà giải để ông B và bà T đoàn tụ, tuy nhiên ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vợ chồng ông B và bà T đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa ông B và bà T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B.

[2.2] Về con chung: Ông B và bà T có 03 người con chung tên Chu Ngọc L, sinh ngày 30/12/2008, Chu Ngọc A, sinh ngày 23/10/2016 và Chu Ngọc N, sinh ngày 26/11/2021. Các con chung hiện đang sống cùng bà T. Khi ly hôn ông B và bà T thống nhất giao 03 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Long và cháu Ngọc Anh có nguyện vọng được ở với bà T, cháu Như còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy cần giao ba con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 03 con là 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/7/2023 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa ông B và bà T, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2023 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Ông B và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy ông B phải chịu số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Chu Thanh B và bà Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Chu Ngọc L, sinh ngày 30/12/2008, Chu Ngọc A, sinh ngày 23/10/2016 và Chu Ngọc N, sinh ngày 26/11/2021 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/con/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2023 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuôi.

4. Về tài sản chung: Ông B và bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

6. Về án phí: Ông Chu Thanh B chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0010792 ngày 18/10/2023. Sau khi khấu trừ ông B phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Oanh**

**Nơi nhận** :
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Lộc Ninh;*
- *THA DS huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;*
- *Lưu hồ sơ.*